CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 04 /2023/CV-SGT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2023*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: **- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

1. Tên Tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

   Mã chứng khoán: SGT

   Địa chỉ: Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung, P.Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. HCM

   Điện thoại: 08.3715 9909 Fax: 08.5437 1074

   Email: info@saigontel.vn Website: www.saigontel.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Quyết định HĐQT về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin năm 2023

Ngày 16/01/2023, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (SAIGONTEL) đã ban hành Quyết định HĐQT số 01/2023/QĐ-HĐQT ngày 16/01/2023 về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty năm 2023

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 16/01/2023 tại đường dẫn http://saigontel.vn/vi/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
- Quyết định HĐQT số 01/2023/QĐ-HĐQT ngày 16/01/2023 của Công ty
- Quy chế CBTT của Công ty CP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn năm 2023

Đại diện tổ chức
Tổng Giám Đốc - Người được UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Nguyễn Cẩm Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN **CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: ..01.../2023/QĐ-HĐQT	Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16. tháng 01. năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Thông qua ban hành Quy chế công bố thông tin Công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ -VIỄN THÔNG SÀI GÒN

- Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày .16./..01../2023 về việc Thông qua ban hành Quy chế công bố thông tin Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua Quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Bà Nguyễn Cẩm Phương, các Thành viên Hội đồng quản trị và các phòng ban liên quan có trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0302615063 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ-VIỄN THÔNG SÀI GÒN
QUẬN 12 - T.P HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG THÀNH TÂM

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HC.

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

NIÊM YẾT TẠI
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Ban hành 16../.01./ 2023

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người công bố thông tin.

b) Các phòng ban liên quan gồm: Phòng Kế toán, Văn phòng Hội đồng quản trị, Ban pháp chế, Phòng Hành chính, Ban kiểm soát.

c) Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

d) Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14 tháng 07 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021;
- Căn cứ Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn.

Điều 3. Các chữ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- IDS PRO : Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDHCM/HOSE : Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
- ECM : Hệ thống quản lý tài liệu điện tử thuộc Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
- VSD : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
- TTCKVN : Thị trường Chứng khoán Việt Nam
- CBTT : Công bố thông tin

- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- TGĐ : Tổng Giám đốc
- KTT : Kế toán trưởng
- BCTC : Báo cáo tài chính
- CĐL : Cổ đông lớn
- CPQ : Cổ phiếu quỹ
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- CTĐC : Công ty đại chúng
- NNB : Người nội bộ
- NCLQ : Người có liên quan

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Người nội bộ của Công ty* là:
   - Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
   - Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ;
   - Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
2. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.
3. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDHCM hoặc ngày UBCKNN, SGDHCM nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:
   - Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
   - Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).
5. *Bản scan văn bản dùng CBTT* phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.
6. *Dữ liệu điện tử dùng CBTT* là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).
7. *Người công bố thông tin* là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.
8. *Người có liên quan* [1] là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
   a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
   b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

---

[1] Theo quy định tại Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14.

9. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Khi công bố thông tin, Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDHCM về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý trừ trường hợp văn bản pháp luật có quy định khác.
5. Việc công bố các thông tin tổ chức bao gồm:
   + Đối với thông tin tổ chức bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, mã số giao dịch của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ; người đại diện hợp lệ của tổ chức;
   + Đối với cá nhân là người có liên quan đối với tổ chức nêu trên tại Công ty: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử theo Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý trừ trường hợp văn bản pháp luật có quy định khác.
6. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDHCM 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDHCM thực hiện công khai thông tin.

7. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức/ cá nhân khác thực hiện.
8. Việc công bố thông tin thực hiện theo đúng mẫu và bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định được ban hành tại Thông tư 96/2020/TT-BTC, Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan tại thời điểm công bố thông tin. Ngôn từ trong thông tin công bố cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu nhầm cho các nhà đầu tư.
9. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư 96/2020/TT-BTC.
10. Tạm hoãn công bố thông tin:

- Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như thiên tai, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng CBTT phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
- Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm CBTT đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.(*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS Pro.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - Hệ thống ECM
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5		Báo in, Báo điện tử,v.v…

(*) Lưu ý:

- *Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ .*
- *Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.*
- *Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.*

- *Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;*
- *Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu 05 năm.*

Điều 6. Quy trình công bố thông tin

Tiếp nhận yêu cầu công bố thông tin:

a) Thông tin định kì đã được xác lập về thời gian và giao cho từng cá nhân, đơn vị cụ thể có trách nhiệm xử lý thông tin.

b) Việc tiếp nhận từng loại thông tin bất thường, thông tin theo yêu cầu phải công bố phải được giao cụ thể cho từng đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận. Khi có thông tin đến, bất cứ cá nhân, đơn vị nào tiếp nhận cũng phải được chuyển đến đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận để xử lý chuyển tiếp.

Xử lý thông tin:

a) Xử lý thông tin là quá trình tạo ra thông tin để công bố.

b) Các cá nhân, đơn vị được giao trách nhiệm xử lý thông tin có quyền yêu cầu trong nội bộ Công ty cũng như các đơn vị có vốn góp của Công ty, hoặc các đối tượng liên quan khác cung cấp thông tin để phục vụ xử lý thông tin, phù hợp với các quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.

c) Thông tin sau khi xử lý phải được người có trách nhiệm phê duyệt.

d) Thông tin phải có định dạng sau:

Văn bản là bản chính có đầy đủ dấu và chữ kí hợp lệ theo quy định của pháp luật;

File dữ liệu điện tử:

+ File có định dạng DOC và EXCEL phải ghi đầy đủ tên và chức vụ người ký văn bản, số hiệu, ngày tháng văn bản;

+ File có định dạng PDF phải từ văn bản gốc có chữ kí và dấu màu đỏ của Công ty

Gửi thông tin công bố:

a) Thông tin sau khi được phê duyệt công bố, thông tin được chuyển đến Người thực hiện công bố thông tin.

b) Tùy thuộc vào nội dung công bố, thông tin công bố sẽ được gửi đến UBCKNN, SGDCK bằng phương thức trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc phương tiện điện tử khác theo hình thức được quy định. Trong trường hợp khẩn cấp, thông tin văn bản có thể gửi qua fax và đồng thời gửi bản chính cho UBCKNN, SGDCK.

c) Phòng Truyền Thông Công ty đăng thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty tại chuyên mục "Quan hệ cổ đông". Trong chuyên mục "Quan hệ cổ đông" có các tiểu mục được quy định cho từng loại thông tin cụ thể.

Kiểm tra, nhận phản hồi

a) Đơn vị xử lí thông tin có trách nhiệm kiểm tra thông tin được công bố. Trường hợp phát hiện có sai lệch với thông tin công bố, thì phải báo cáo cho Người thực hiện công bố thông tin.

b) Trường hợp bên nhận thông tin do Công ty công bố phản hồi về tính chính xác của thông tin, thì các thông tin phản hồi được chuyển về đơn vị có trách nhiệm xử lý báo cáo Người thực hiện công bố thông tin, đồng thời đề xuất cách xử lý và cải chính thông tin.

Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này

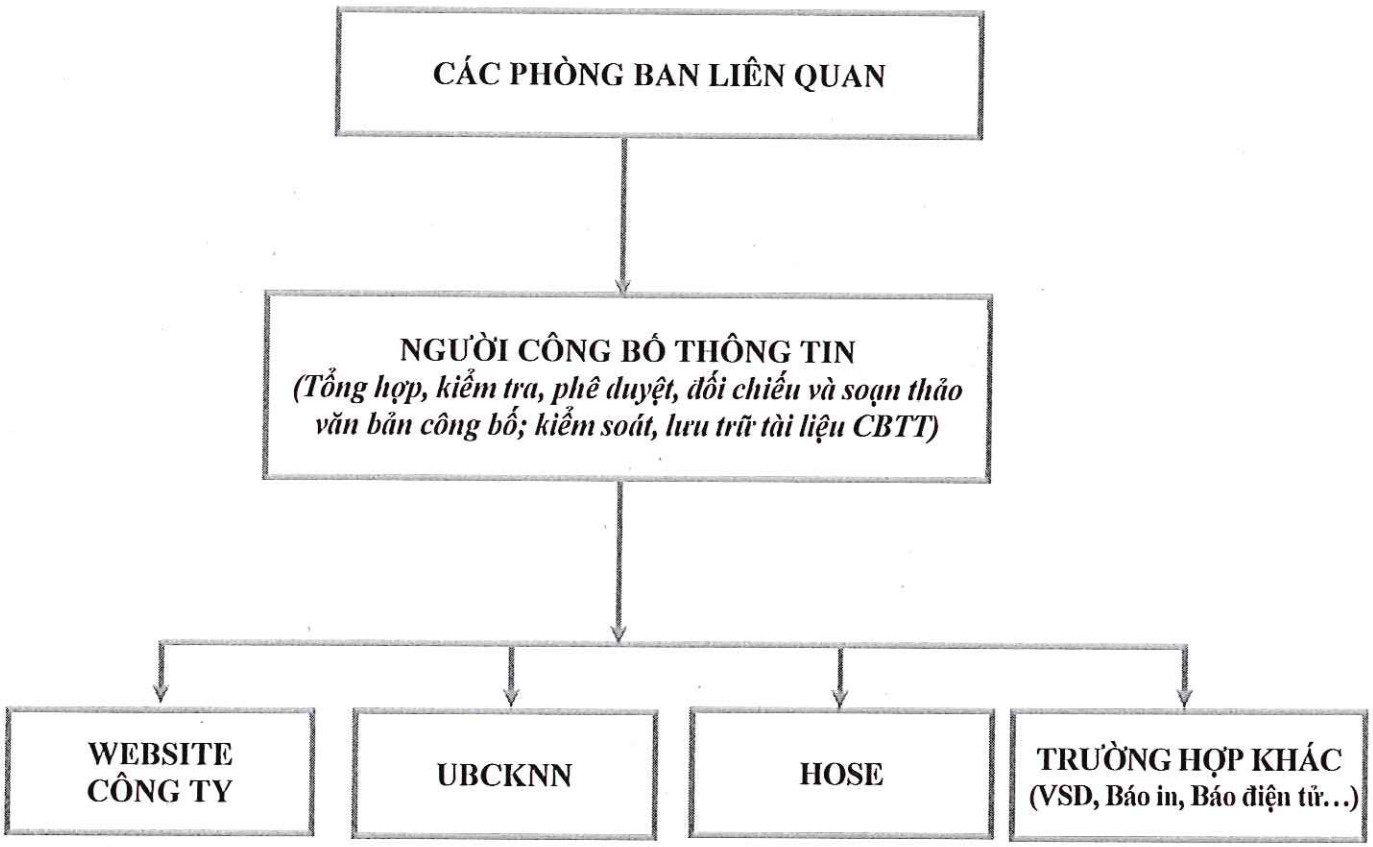

2. Áp dụng đối với các đối tượng khác (**)

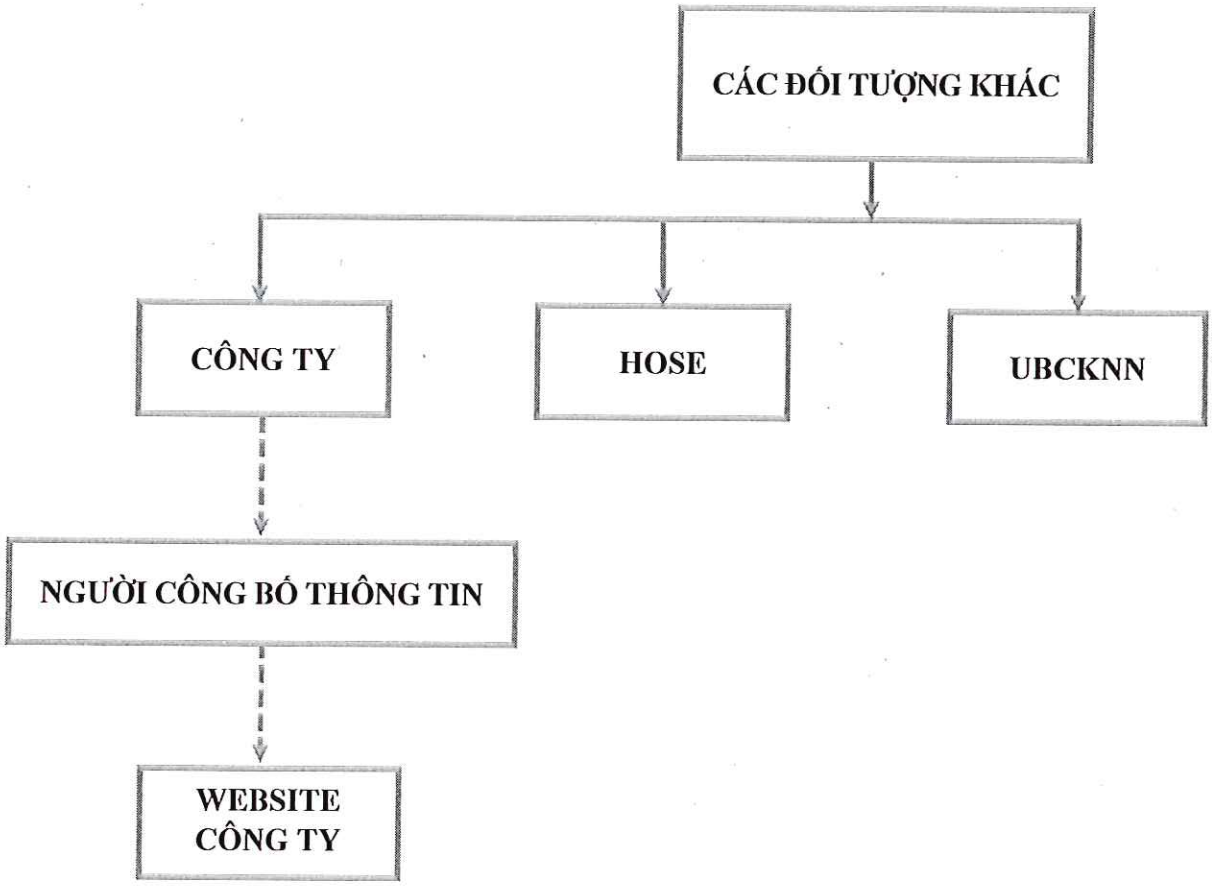

Ghi chú: ⟶ : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HOSE

⇢ : Người Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty.

(**) *Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại Điểm c và d Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.*

Điều 8. Các nội dung công bố thông tin

1. **Các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này thực hiện CBTT theo quy định theo từng Phụ lục cụ thể trong Quy chế này:**

a) Văn phòng Hội đồng quản trị	:	Phụ lục 1.1
b) Ban Điều hành	:	Phụ lục 1.2
c) Ban Tài chính	:	Phụ lục 1.3
d) Phòng Kế toán	:	Phụ lục 1.4
e) Ban Pháp chế	:	Phụ lục 1.5
f) Phòng Nhân sự	:	Phụ lục 1.6
g) Phòng Hành chính (Văn thư)	:	Phụ lục 1.7

2. **Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế này.**

Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người công bố thông tin
3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trong vòng **02 giờ** kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.
4. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện trong trường hợp cần thiết hoặc ngay khi có yêu cầu.

Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan khác.
3. Tổng giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế công bố thông tin này.
4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng giám đốc, Tổng giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người công bố thông tin: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng ban Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

Điều 12. Triển khai thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua.

Nơi nhận:

- Lưu VPCT.
- BKS
- HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ-VIỄN THÔNG SÀI GÒN

ĐẶNG THÀNH TÂM

PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN

PHỤ LỤC 1.1 : VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
I.	**Báo cáo thường niên**			
1.	Báo cáo thường niên	Chậm nhất **20 ngày** sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá **110 ngày**, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trước thời hạn quy định 1 ngày làm việc	
II.	**Báo cáo tình hình quản trị công ty**			
1.	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất **30 ngày**, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Trước thời hạn quy định 1 ngày làm việc	
2.	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất **30 ngày**, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch		
3.	Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty theo ***Mẫu NY-02*** - Một bản báo cáo - Một bản dữ liệu điện tử theo định dạng Excel	Gửi kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty đến SGDHCM		
III.	**Đại hội đồng cổ đông**			

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
1.	CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu **20 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng	Trước thời hạn quy định 1 ngày làm việc	
2.	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất **21 ngày** trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ *(Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)*	Trước thời hạn quy định 1 ngày làm việc	Chuẩn bị Báo cáo HĐQT, trình HĐQT xem xét.
3.	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội *Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.*	Trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Sau khi họp ĐHĐCĐ xong	Tổng kết, đôn đốc Các ban làm việc tại ĐHĐCĐ: Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu.
IV.	**Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**			
1.	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Tối thiểu **20 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng	Trước thời hạn quy định 1 ngày làm việc	
2.	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ *Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.*	Trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Sau khi có kết quả lấy ý kiến cổ đông	
V.	**Danh sách Cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ**			

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
1.	Báo cáo SGDHCM Danh sách Cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Quý 1 năm dương lịch	Chậm nhất là ngày **10/03** *(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 28/02)*	Trước thời hạn quy định 1 ngày làm việc	
2.	Báo cáo SGDHCM Danh sách Cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Quý 2 năm dương lịch	Chậm nhất là ngày **10/06** *(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05)*		
3.	Báo cáo SGDHCM Danh sách Cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Quý 3 năm dương lịch	Chậm nhất là ngày **10/09** *(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/08)*		
4.	Báo cáo SGDHCM Danh sách Cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Quý 4 năm dương lịch	Chậm nhất là ngày **10/12** *(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11)*		
B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
1.	Trường hợp thành viên HĐQT, Kiểm soát viên có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại ĐHĐCĐ, tổ chức niêm yết thực hiện công bố đơn xin từ nhiệm Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đơn xin từ nhiệm.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
2.	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
C. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU				
1.	Theo yêu cầu của UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán khi:		Tại thời điểm phát sinh	
	1) Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu		
	2) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu		
D. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU				
1.	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSD, báo cáo cho SGDHCM đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	Chậm nhất **20 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)	Trước thời hạn quy định 1 ngày làm việc	Kết hợp, làm việc với Ban Tài chính
		Chậm nhất **10 ngày làm việc** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)		

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
2.	Tổ chức niêm yết gửi cho SGDHCM (HOSE) các tài liệu sau: a. Một (01) bản tóm tắt sổ cổ đông của công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền theo mẫu **CBTT/SGDHCM-09**. b. Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.	Trong vòng **15 ngày** kể từ ngày đăng ký cuối cùng	Trước thời hạn quy định 1 ngày làm việc	
3.	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDHCM, CBTT và gửi thông báo cho SGDHCM nêu rõ lý do hủy.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	Tại thời điểm phát sinh	

PHỤ LỤC 1.2 : BAN ĐIỀU HÀNH

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
1.	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	

PHỤ LỤC 1.3 : BAN TÀI CHÍNH

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
I.	**Đại hội đồng cổ đông**			
1.	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất **21 ngày** trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ *(Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)*	Trước thời hạn quy định 1 ngày làm việc	Chuẩn bị Các tài liệu về kế hoạch kinh doanh trình HĐQT xem xét.
B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
1.	Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
2.	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
	hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu			
3.	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
4.	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
5.	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
6.	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	Kết hợp, làm việc với Phòng kế toán
7.	Công ty đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính phải công bố thông tin sau khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký lại loại báo cáo tài chính khi thay đổi mô hình công ty (do tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	Kết hợp, làm việc với Phòng kế toán

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
	tại công ty con, công ty liên kết, dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc thành lập, giải thể đơn vị trực thuộc) theo mẫu ***Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN.***			
8.	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	Kết hợp, làm việc với Phòng kế toán và Văn phòng HĐQT.
9.	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
	- *Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;*	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
	- *Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;*	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
	- *Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của*	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
	người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.			
10.	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	Kết hợp, làm việc với Phòng kế toán
11.	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
12.	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
13.	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	Kết hợp, làm việc với Phòng kế toán

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
14.	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	Kết hợp, làm việc với Phòng kế toán
C. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU				
1.	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSD, báo cáo cho SGDCHCM đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	Chậm nhất **20 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ) Chậm nhất **10 ngày làm việc** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	**Trước thời hạn quy định 1 ngày làm việc**	Kết hợp, làm việc với Văn phòng Hội đồng quản trị
D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC				
1.	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Tại thời điểm phát sinh	
2.	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCKVN	Tại thời điểm phát sinh	
3.	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Tại thời điểm phát sinh	

PHỤ LỤC 1.4 : PHÒNG KẾ TOÁN

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
I.	**Báo cáo tài chính**			
1.	Báo cáo tài chính quý (đối với công ty mẹ hoặc đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)	Tối đa không quá **30 ngày** kể từ ngày kết thúc quý	Chậm nhất là trong ngày CBTT theo quy định	
2.	Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn **05 ngày** kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá **45 ngày** kể từ ngày kết thúc quý		
3.	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét (đối với công ty mẹ hoặc đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)	Trong thời hạn **05 ngày** kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng tối đa không quá **60 ngày** kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.		
4.	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá **90 ngày** kể từ ngày kết thúc năm tài chính		

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
5.	***Chú ý khi công bố thông tin Báo cáo tài chính phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:*** - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.	Công bố thông tin ***đồng thời*** với Báo cáo tài chính cần giải trình		
II.	**Đại hội đồng cổ đông**			
1.	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất **21 ngày** trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ *(Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)*	Trước thời hạn quy định 1 ngày làm việc	Chuẩn bị Báo cáo Báo cáo Kết quả kinh doanh trình HĐQT xem xét.
B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
1.	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
	khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.			
2.	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật).	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
3.	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng).	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
4.	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
5.	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có).	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
6.	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
7.	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	Kết hợp, làm việc với Ban Tài chính
8.	Công ty đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính phải công bố thông tin sau khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký lại loại báo cáo tài chính khi thay đổi mô hình công ty (do tham gia góp	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	Kết hợp, làm việc với Ban Tài chính

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
	vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết, dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc thành lập, giải thể đơn vị trực thuộc) theo mẫu ***Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN.***			
9.	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	Kết hợp, làm việc với Ban Tài chính, Văn phòng Hội đồng quản trị
10.	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	Kết hợp, làm việc với Ban Tài chính
11.	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
12.	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	Kết hợp, làm việc với Ban Tài chính

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
	năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.			
13.	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	Kết hợp, làm việc với Ban Tài chính
14.	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn **10 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Trước thời hạn quy định 1 ngày làm việc	
15.	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán	Tại thời điểm phát sinh	

PHỤ LỤC 1.5 : BAN PHÁP CHẾ

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
I.	**Đại hội đồng cổ đông**			
1.	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất **21 ngày** trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ *(Nếu*	Trước thời hạn quy định 1 ngày làm việc	Chuẩn bị các hồ sơ pháp lý về tổ chức ĐHĐCĐ theo quy định

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
		Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)		của luật DN và luật CK; mẫu các tờ trình, dự thảo Biên bản và Nghị quyết ĐHDCD trình Hội đồng quản trị xem xét.
II.	**Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**			
1.	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất **10 ngày** trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến *(Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)*	Trước thời hạn quy định 1 ngày làm việc	- Chuẩn bị các hồ sơ pháp lý về tổ chức ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán; mẫu các tờ trình, dự thảo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ - Đôn đốc các bộ phận liên quan về nội dung xin ý kiến cổ đông bằng văn bản
B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
1.	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
2.	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
3.	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
4.	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp. phá sản doanh nghiệp;	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
5.	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
6.	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
7.	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
8.	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
9.	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty;	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
10.	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	

PHỤ LỤC 1.6 : PHÒNG NHÂN SỰ

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
1.	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
2.	Công ty nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty)	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
3.	Công ty gửi (Bản cứng) cho UBCKNN Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo ***Phụ lục III - TT96***	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
4.	Công ty gửi cho SGDHCM Bản cung cấp thông tin (trường hợp bổ nhiệm người nội bộ mới) theo ***Phụ lục III -TT96***	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
5.	Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty báo cáo cho SGDHCM về thay	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	Phối hợp nhận thông tin từ Người nội bộ

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
	đổi người có liên quan của người nội bộ theo ***Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021.***			

PHỤ LỤC 1.7 : PHÒNG HÀNH CHÍNH (HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ)

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
1.	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	Kết hợp, làm việc với Ban pháp chế
2.	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty;	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	Kết hợp, làm việc với Ban pháp chế
3.	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Tại thời điểm phát sinh	
4.	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền	- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/nghị quyết và công bố thông tin Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.	Tại thời điểm phát sinh	Phối hợp, làm việc với Bộ phận phát sinh sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

- Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDHCM theo mẫu quy định tại **Phụ lục VII –TT96** kèm theo Quy chế này trong **thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN, SGDHCM theo **Phụ lục VIII –TT96** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này **trong thời hạn 05 ngày làm việc,** kể từ ngày có sự thay đổi trên.

  Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty *mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.*

  Ví dụ: nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. ***Ngày T****, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X* ***từ 5,2% lên 5,7%.*** *Tiếp sau đó, vào* ***ngày T'****, ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X* ***từ 5,7% lên 6,1%.*** *Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.*
- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng **03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDHCM khi **giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi)**, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDHCM (như các giao dịch cho hoặc

được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDHCM và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu) theo **Phụ lục XIII –TT96** kèm theo Quy chế này.
- Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDHCM *(Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai).*

Ghi chú: NNB của Công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDHCM và Công ty về kết quả giao dịch theo **Phụ lục XIV –TT96** kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

3. Ghi chú

- NNB của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.
- Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDHCM và Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.
- Trường hợp công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên…), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ.

- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của Công ty và NCLQ của NNB .

PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU

STT	Nội dung	Biểu mẫu
1.	Báo cáo thường niên *(Phụ lục IV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phu luc IV - TT96 - BCTN
2.	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm *(Phụ lục V - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phu luc V - TT96 - BCQT
3.	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty *(Mẫu NY-02 – Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết)*	Mau NY-02.docx
4.	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty	(MCK) - Danh sach CDL, CDCL, CDNN, C
5.	Thay đổi người nội bộ *(Phụ lục I - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)*	Phu luc I - Thay doi NNB
6.	Bản cung cấp thông tin người nội bộ *(Phụ lục III - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phu luc III - TT96 - BCCTT
7.	Thay đổi người có liên quan của người nội bộ *(Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)*	Phu luc II - Thay doi NCLQ cua NNB
8.	Đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính *(Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)*	Phu luc IV - TB dang ky, thay doi m
9.	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành *(Phụ lục V - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)*	Phu luc V - TB thay doi SLCP dang luu h

10.	Công bố thông tin bất thường *(Phụ lục VI - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)*	Phu luc VI - CBTT bat thuong.docx
11.	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn *(Phụ lục VII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phu luc VII - CDL
12.	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết *(Phụ lục VIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phu luc VIII - CDL giao dich vuot nguc
13.	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của của người nội bộ *(Phụ lục XIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phu luc XIII - Thong bao GD NNB
14.	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ *(Phụ lục XV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phụ lục XV - Bao cao GD NNB
15.	Tóm tắt sổ cổ đông của công ty ***(CBTT/SGDHCM-09 -** Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)*	Mau 12 - TTSCD.docx
16.	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu *(Mẫu 07/THQ - Quyết định 109/QĐ-VSD ban hành ngày 20 tháng 08 năm 2021)*	Mau 07-THQ.doc
17.	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán *(Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)*	Bao cao tien do su dung von